

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HS-ST

Ngày: 28-9- 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Chân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Duy Thanh;

- Bà Ngô Thị Lệ Thi.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Tuyên Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Văn Tuấn V, sinh ngày 15-9-1993; nơi sinh: K – An Giang; quê quán: phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; nơi thường trú: số 209, tổ 08, khóm Đ1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q, sinh năm 1968 và bà Phan Thị Y, sinh năm 1971; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người cuối cùng;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07-5-2020 cho đến nay.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ 09, khóm Đ1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Anh Trần Gia N, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 09, khóm Đ1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

- Huỳnh Thanh S, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ 8, khóm Đ1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

*Người chứng kiến:* Lư Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 01, khóm Đ2, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 07/5/2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng phối hợp Công an thành phố Châu Đốc và Công an phường S, thành phố K, tiến hành kiểm tra phòng trọ số 5 nhà trọ, do Lư Văn T làm chủ (tổ 1, khóm Đ2, phường S, thành phố K), phát hiện, bắt quả tang Trương Văn Tuấn V có hành vi cất giấu ma túy, để sử dụng và giao bán cho người nghiện; thu giữ 12 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng. V khai ma túy đá, mua tại Thành phố Hồ Chí Minh, cất giấu để sử dụng, giao bán cho người nghiện.

Vật chứng thu giữ: 12 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 01 chai nhựa, để sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, xanh đen; (đã bàn giao Cơ quan Thi hành án dân sự).

Căn cứ Kết luận giám định số 97/KLGT-PC09 (MT) ngày 10/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận: Mẫu M<sub>1</sub>, M<sub>2</sub> gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 7,1031 gam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc khởi tố, tạm giam Trương Văn Tuấn V, để điều tra, xử lý.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, xác định lượng ma túy bị bắt quả tang là của bị cáo mua để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện. Từ giữa tháng 4-2020, bị cáo đã 02 lần bán ma túy cho Huỳnh Văn H, trong đó có một lần bị cáo đến bán cho H tại căn nhà hoang, có gặp Huỳnh Thanh S và Trần Gia N nhưng người trực tiếp mua ma túy của bị cáo là H, bị cáo không biết việc S và N hùn tiền với H để mua ma túy của bị cáo.

Huỳnh Thanh S và Trần Gia N có lời khai như lời khai đã trình bày trong giai đoạn điều tra. S và N nhận dạng, xác định bị cáo V là người đã bán ma túy cho H tại căn nhà hoang (gần nhà của H). Khi đó, S và N mỗi người hùn 60.000 đồng để cùng H mua ma túy của V nhưng H là người trực tiếp mua.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - những người trực tiếp mua ma túy của bị cáo cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, bị cáo đã 02 lần có hành vi bán ma túy cho H (trong đó có 01 lần S, N hùn tiền để mua). Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị

cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo về sự thành khẩn khai báo, quá trình điều tra đã tự thú khai nhận đối với lần bán ma túy trước đó đã bán cho H; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị buộc bị cáo nộp phạt 10.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 12 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 01 chai nhựa, để sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITTEL, xanh đen; (đã bàn giao Cơ quan Thi hành án dân sự).

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi đã thực hiện, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*Về tố tụng,*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H và người chứng kiến T vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến. Xét, họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*Về nội dung,*

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo, N, S tại phiên tòa với lời khai của bị cáo, H, N, S được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà bị cáo đã bán ma túy cho H.

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ giữa tháng 4-2020, bị cáo đã 02 nhiều lần có hành vi bán ma túy cho H với giá mỗi lần 200.000 đồng. Trong đó, có 01 lần N, S hùn tiền với H để mua ma túy của bị cáo. Trong lần bắt bị cáo phạm tội quả tang ngày 07/5/2020, đang cất giấu trong người lượng ma túy mà theo kết luận giám định xác định ma túy có trọng lượng 7,1031 gam. Bị cáo xác định lượng ma túy cất giấu trong người là của bị cáo mua về với mục đích sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là xâm phạm quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Mathamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” được quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi bán ma túy trước đó cho H. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động có thu nhập. Xét, buộc bị cáo nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng.

[7] Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Đối với lượng ma túy đã thu giữ, còn lại sau giám định là vật chứng, cấm lưu hành; 01 chai nhựa dùng để sử dụng ma túy. Xét tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, xanh đen bị cáo khai dùng để liên lạc bán ma túy, xét tịch thu, tiêu hủy.

- Bị cáo 02 lần bán ma túy cho H với giá mỗi lần 200.000 đồng. Đó là khoản thu lợi từ hành vi phạm tội mà có. Xét, buộc bị cáo giao nộp số tiền tổng cộng 400.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố bị cáo: Trương Văn Tuấn V phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Tuấn V: 08 (tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 07-5-2020 (bảy tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi).

*Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ghi Niêm phong vụ số 97/KLGT-PC09(MT) ngày 10-5-2020 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố K và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận; 01 (một) chai nhựa ghi chữ Sting có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có hai lỗ nhỏ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng bẻ cong, một lỗ gắn ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng); 06 (sáu) viên kẹo hiệu Cool Air một đầu đã bị cắt.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh đen, số imei 356171088035562; imei:356171088035570 cùng sim điện thoại mobiphone số 8401; 1811; 5038; 5791; WD (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-8-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

- Buộc bị cáo giao nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Trương Văn Tuấn V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, Huỳnh Thanh S, Trần Gia N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Huỳnh Thanh H là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Quang Chân**